

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
CÂU LẠC BỘ SINH VIÊN 5 TỐT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động: Thanh niên khỏe**
- 2. Thời gian tổ chức: 12/09/2025**
- 3. Địa điểm tổ chức: 12/09/2025**
- 4. Thông tin người phụ trách: Trần Thanh Phong - Phó chủ nhiệm - 0977281414**
- 5. Danh sách sinh viên tham gia:**

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	25130197	Nguyễn Huy Hùng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
2	25110164	Huỳnh Hoàng Huy	Toán - Tin học
3	25230026	Nguyễn Vũ Trọng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
4	25110086	Lê Long Nhật	Toán - Tin học
5	25250029	Trần Đăng Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
6	25250003	Trần Quốc Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
7	25120429	Tô Phước Sang	Công nghệ thông tin
8	25250089	Quách Thanh Tùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
9	25230032	Nguyễn Văn Chương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
10	25140162	Nguyễn Mạnh Cường	Hóa học
11	25110151	Phạm Đào Văn Chương	Toán - Tin học
12	25130173	Lê Phúc Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
13	25200116	Nguyễn Đắc Anh Khoa	Điện tử - Viễn thông
14	25220100	Trần Quang Minh	Môi trường
15	25120043	Nguyễn Lê Hoàng Dương	Công nghệ thông tin
16	25190031	Nguyễn Dĩ Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
17	25110053	Khúc Nguyên Khải	Toán - Tin học
18	25140006	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	Hóa học
19	25250110	Lê Hoài An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
20	25130263	Trần Văn Thuận	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
21	25130137	Nguyễn Hữu Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
22	25250030	Trần Đình Đăng Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
23	25150222	Nguyễn Bảo Phúc Thịnh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
24	25120039	Nguyễn Trí Dũng	Công nghệ thông tin
25	25230034	Nguyễn Lê Thanh Đức	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
26	25150015	Trần Bảo Đăng	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
27	25250063	Cao Trường Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
28	25110183	Chu Đình An	Toán - Tin học
29	25120363	Nguyễn Trần Anh Khoa	Công nghệ thông tin
30	25110129	Nguyễn Anh Tiến	Toán - Tin học
31	25250019	Cao Khánh Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
32	25250057	Nguyễn Võ Minh Phương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

33	25220091	Hạp Tiến Đạt	Môi trường
34	25130153	Nguyễn Văn Thắng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
35	25120043	Nguyễn Lê Hoàng Dương	Công nghệ thông tin
36	25200045	Đặng Đăng Nguyên	Điện tử - Viễn thông
37	25120403	Nguyễn Minh Nhật	Công nghệ thông tin
38	25200101	Nguyễn Thành Đạt	Điện tử - Viễn thông
39	25200132	Trương Cẩm Nhung	Điện tử - Viễn thông
40	25120117	Lê Tiến Phát	Công nghệ thông tin
41	25120099	Vũ Hoàng Long	Công nghệ thông tin
42	25150207	Phạm Trường Phúc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
43	25170127	Lê Nguyễn Hoàng Nam	Môi trường
44	25280050	Nguyễn Thế Vinh	Toán - Tin học
45	25120371	Cù Đức Lâm	Công nghệ thông tin
46	25120296	Lê Nguyễn Quang Đạt	Công nghệ thông tin
47	25140151	Trần Dương Hoài An	Hóa học
48	25130219	Lê Ngọc Anh Kiệt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
49	25120122	Lê Huỳnh Gia Phú	Công nghệ thông tin
50	25250140	Phạm Minh Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
51	25122039	Hà Chí Tâm	Công nghệ thông tin
52	25200149	Võ Hoàng Kim Xuyên	Điện tử - Viễn thông
53	25120269	Nguyễn Hoàng Quân	Công nghệ thông tin
54	25270005	Đỗ Hồ Đức Huy	Địa chất
55	25130243	Phan Minh Nhật	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
56	25280062	Lại Minh Khôi	Toán - Tin học
57	25120204	Phạm Thành Lộc	Công nghệ thông tin
58	25190140	Mai Đắc Mạnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
59	25200017	Võ Minh Hiền	Điện tử - Viễn thông
60	25250127	Nguyễn Đức Hưng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
61	25190057	Lê Trọng Nhân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
62	25130102	Nguyễn Quốc Thịnh Thiên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
63	25122053	Võ Huỳnh Hoàng Nam	Công nghệ thông tin
64	25140074	Nguyễn Cẩm Tú	Hóa học
65	25120387	Nguyễn Kim Ngân	Công nghệ thông tin
66	25120274	Dương Thị Cẩm Tú	Công nghệ thông tin
67	25280087	Nguyễn Tuyết Minh	Toán - Tin học
68	25200044	Lường Nhật Nam	Điện tử - Viễn thông
69	25270017	Nguyễn Phúc Tâm	Địa chất
70	25130162	Lê Thị Ánh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
71	25120147	Võ Vân Trường	Công nghệ thông tin
72	25140125	Võ Thị Quỳnh Như	Hóa học
73	25130270	Nguyễn Vũ Quang Triết	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
74	25120250	Nguyễn Phan Quang Tuấn	Công nghệ thông tin
75	25130178	Đào Duy Đôn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
76	25180229	Võ Minh Lực	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
77	25130054	Huỳnh Quốc Vĩnh Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
78	25180215	Nguyễn Hồng Phi	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
79	25200113	Nguyễn Hoàng Vương Khang	Điện tử - Viễn thông
80	25120209	Sok Minh	Công nghệ thông tin
81	25122065	Lâm Hiếu Duy	Công nghệ thông tin
82	25120059	Nguyễn Đức Hòa	Công nghệ thông tin

83	25130179	Hòa Minh Đức	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
84	25250112	Phan Trường An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
85	25190136	Phạm Duy Khương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
86	25180096	Ngô Phúc Trí	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
87	25160023	Võ Nguyễn Minh Lập	Địa chất
88	25270013	Lê Quang Thành	Địa chất
89	25120161	Nguyễn Quốc Anh	Công nghệ thông tin
90	25150094	Nguyễn Ngọc Hạnh Thơm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
91	25200049	Lê Thị Yên Nhi	Điện tử - Viễn thông
92	25122044	Ngô Phạm Hồng Thúc	Công nghệ thông tin
93	25122036	Huỳnh Văn Phú	Công nghệ thông tin
94	25190047	Nguyễn Thị Mỹ Lưu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
95	25120103	Đinh Hoàng Nam	Công nghệ thông tin
96	25290021	Nguyễn Phúc Khang	Môi trường
97	25120145	Nguyễn Minh Trọng	Công nghệ thông tin
98	25150229	Tô Nguyễn Mai Trâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
99	25130110	Lê Thị Thùy Trang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
100	25140159	Trần Quốc Bảo	Hóa học
101	25140217	Nguyễn Minh Trường	Hóa học
102	25140225	Phạm Thị Hải Yến	Hóa học
103	25120173	Hà Thiện Danh	Công nghệ thông tin
104	25120243	Dương Minh Tông	Công nghệ thông tin
105	25120158	Cù Văn An	Công nghệ thông tin
106	25190157	Nguyễn Huỳnh Gia Thịnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
107	22200135	Phạm Phương Quỳnh	Điện tử - Viễn thông
108	25140109	Nguyễn Võ Hoàng Kim	Hóa học
109	25140110	Vương Hải Long	Hóa học
110	25250117	Mạc Minh Chánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
111	25180009	Phạm Nguyễn Minh Anh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
112	25140161	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Hóa học
113	25250094	Đặng Thị Thu Yến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
114	25140062	Nguyễn Đan Thanh	Hóa học
115	25150169	Đỗ Ngọc Mỹ Hạnh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
116	25140100	Đặng Minh Hoàng	Hóa học
117	25110214	Nguyễn Hoàng Lâm	Toán - Tin học
118	25110212	Trần Khả Kính	Toán - Tin học
119	25130237	Phạm Khôi Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
120	25130164	Lê Hoàng Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
121	25130266	Nguyễn Khánh Toàn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
122	25130029	Trần Lâm Thái Dương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
123	25110153	Nguyễn Tiến Dũng	Toán - Tin học
124	25130026	Trang Thành Đạt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
125	25300066	Vương Đức Phát	Điện tử - Viễn thông
126	25130053	Hoàng Gia Khải	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
127	25300006	Nguyễn Khánh Đạt	Điện tử - Viễn thông
128	25130149	Nguyễn Quang Sơn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
129	25130047	Trần Khánh Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
130	25120420	Nguyễn Hoàng Phúc	Công nghệ thông tin
131	25110002	Phan Nguyễn Tiên Khoa	Toán - Tin học
132	25300024	Lê Trọng Nhân	Điện tử - Viễn thông

133	25130077	Nguyễn Như Ngân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
134	25300019	Nguyễn Lê Hoàng Lân	Điện tử - Viễn thông
135	23187132	Vũ Hoàng Nhân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
136	25137023	Huỳnh Công Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
137	25187155	Phùng Thái Nam	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
138	25147023	Trần Đăng Quốc Huy	Hóa học
139	25127377	Võ Thiên Khánh	Công nghệ thông tin
140	25127271	Trần Nguyễn Ngọc Anh	Công nghệ thông tin
141	25207085	Bùi Thanh Hải Đăng	Điện tử - Viễn thông
142	25127024	Nguyễn Mạnh Cường	Công nghệ thông tin
143	25247126	Bùi Minh Khoa	Hóa học
144	25247063	Trần Lê Quang Vũ	Hóa học
145	25127040	Nguyễn Bá Duy	Công nghệ thông tin
146	25187018	Đỗ Gia Hân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
147	25247049	Dương Hồng Tâm	Hóa học
148	25127198	Lê Nhật Huy	Công nghệ thông tin
149	25197024	Lê Huỳnh Phú	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
150	25187166	Trần Nguyễn Phương Vy	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
151	25127200	Võ Nguyễn Nhất Huy	Công nghệ thông tin
152	25187110	Nguyễn Khả Đức Thịnh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
153	25127279	Ngô Gia Bảo	Công nghệ thông tin
154	25147095	Nguyễn Gia Phúc	Hóa học
155	25197042	Phạm Bảo Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
156	25197014	Trương Minh Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
157	25147141	Lương Thiên Sơn	Hóa học
158	25127325	Đàng Minh Hạo	Công nghệ thông tin
159	25157015	Võ Nguyên Khang	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
160	25127530	Nguyễn Võ Minh Trí	Công nghệ thông tin
161	25197006	Đặng Minh Hào	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
162	25127540	Lê Minh Tuấn Tú	Công nghệ thông tin
163	25197051	Lê Quốc Khánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
164	25187131	Dương Minh Châu	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
165	25127266	Nguyễn Phan Hiền Anh	Công nghệ thông tin
166	25127433	Lê Hà Nguyên	Công nghệ thông tin
167	25177001	Nguyễn Nguyên Anh	Môi trường
168	25177064	Hồ Kiên Việt	Môi trường
169	25197060	Nguyễn Hồng Thắng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
170	25127017	Lê Chí Bảo	Công nghệ thông tin
171	25127062	Nguyễn Minh Huy	Công nghệ thông tin
172	25125048	Lý Trần Thái	Công nghệ thông tin
173	25125085	Chu Nguyễn Gia Khánh	Công nghệ thông tin
174	25125061	Châu Tấn Phát	Công nghệ thông tin
175	22120083	Nguyễn Trần Gia	Công nghệ thông tin
176	23200124	Trần Thanh Phong	Điện tử - Viễn thông
177	23170008	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Môi trường
178	23170103	Hồ Nhật Vy	Môi trường
179	24120457	Huỳnh Chí Thoại	Công nghệ thông tin
180	23280048	Nguyễn Thị Xuân Dung	Toán - Tin học
181	24110055	Nguyễn Trần Minh Thắng	Toán - Tin học
182	24140083	Phan Nguyễn Hải Đăng	Hóa học

183	24110111	Lê Quốc Triệu	Toán - Tin học
184	23140025	Bùi Nguyễn Quang Tuấn	Hóa học
185	22247101	Lâm Như Quỳnh	Hóa học
186	23207006	Nguyễn Hoàng Khang	Điện tử - Viễn thông
187	24127059	Dư Bá Khoa	Công nghệ thông tin
188	22247101	Lâm Như Quỳnh	Hóa học
189	22247144	Nguyễn Thành Vinh	Hóa học

Danh sách gồm có **189** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

TM.CLB SINH VIÊN 5 TỐT
Phó chủ nhiệm

Người lập bảng

Trần Thanh Phong

Trần Thanh Phong